

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Lương, ngày 30 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Th Giảng**

2. Bà **Dương Thị Thu Hằng**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của bộ Luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn K Th**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tổ 24, Khu phố NB, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Th T**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ 24, Khu phố NB, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh Kiên Giang

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn K Th và anh Nguyễn Th T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giữa chị Th với anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị M T, sinh ngày 22/9/2006 và Nguyễn K C, sinh ngày 26/3/2014. Giao cả hai người con tên M Tvà K C cho chị Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành điều này cũng phù

hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được sống cùng mẹ, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng x 2 cháu = 2.000.000đ/tháng, thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc giáo dục con chung. Bảo lưu quyền thay đổi người nuôi con và quyền cấp dưỡng nuôi con khi một trong các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân hay tổ chức nào nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), do chi Th yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007843 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong). Án phí cấp dưỡng là 300.000đ anh T phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy